TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07/8/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Khắc Chung;

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng T, sinh năm: 1993; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Hn, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Trương Thanh H, sinh năm: 1992; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Hn, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Phạm Thị Hồng T trình bày:

Chị và Anh Trương Thanh H chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 11/3/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh H thường xuyên cờ bạc và không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn

vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trương Thị Yến N, sinh ngày 04/10/2013, Trương Thị Yến Nn, sinh ngày 12/9/2018 và Trương Phạm Thiên A, sinh ngày 08/02/2020. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Avà cháu Nn, chị T đồng ý giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con đối với cháu N, chị yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con đối với cháu A và cháu Nn mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung cho đến khi cháu A và cháu Nn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Anh Trương Thanh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Chị Phạm Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn Anh Trương Thanh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Hvắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Hnên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh H có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Chị Phạm Thị Hồng T và Anh Trương Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 11/3/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh Hchung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh Hthường xuyên cờ bạc và không chăm lo cho gia đình. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình

giải quyết vụ án, chị T vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, còn anh Hthì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn với anh. Điều này cho thấy anh Hđã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trương Thị Yến N, sinh ngày 04/10/2013, Trương Thị Yến Nn, sinh ngày 12/9/2018 và Trương Phạm Thiên A, sinh ngày 08/02/2020. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Avà cháu Nn. Xét thấy, sau khi ly thân chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu A và cháu Nn khỏe mạnh và ổn định cho đến nay, hiện cháu A và cháu Ân dưới 36 tháng tuổi cần được mẹ quan tâm chăm sóc nên việc giao cháu Avà cháu Ân cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Chị T đồng ý giao con chung tên Trương Thị Yến N, sinh ngày 04/10/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cháu Nhi đang sống ổn định tại nhà của cha và ông bà nội nên việc giao cháu N cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ một con chung cho đến khi cháu Trương Thị Yến Nn và cháu Trương Phạm Thiên A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy "cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con" nên việc chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/một con chung cho đến khi cháu A và cháu Nn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh H và nhu cầu thiết yếu của con chung là cháu A và cháu Nn theo quy định tại Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu N nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Chị T xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, anh Hkhông có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu giải quyết về nợ chung, anh Hkhông có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, Anh Trương Thanh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Phạm Thị Hồng T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Phạm Thị Hồng T được ly hôn với Anh Trương Thanh H.

Về con chung: Giao con chung Trương Thị Yến Nn, sinh ngày 12/9/2018 và Trương Phạm Thiên A, sinh ngày 08/02/2020 cho Chị Phạm Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung Trương Thị Yến N, sinh ngày 04/10/2013 cho Anh Trương Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trương Thanh H và Chị Phạm Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Buộc Anh Trương Thanh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ một con chung cho đến khi cháu Trương Thị Yến Nn và cháu Trương Phạm Thiên A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hchậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005397 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị T đã thi hành xong án phí.

Anh Trương Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Hồng T, Anh Trương Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh